

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

0102E  
CÔ  
BÁCH N  
KIÊ  
V  
H X

6  
CÔ  
CÔ  
LÚN  
ĐA  
H X

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Xuân Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/05/2015
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/05/2015
Ông Ngô Anh Sơn	Thành viên	
Ông Trịnh Quốc Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2015
Ông Đỗ Anh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/02/2015
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/02/2015
Ông Phan Trung Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/12/2015

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ngô Anh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Quốc Vân	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Anh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787

W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 025/VACO/BCKT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 22 tháng 02 năm 2016, từ trang 03 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0657-2015-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

**Văn phòng Hồ Chí Minh**  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15  
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

**Phạm Xuân Sơn**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1450-2013-156-1

**Văn phòng Hải Phòng**  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			<b>224.219.169.171</b>	<b>120.007.770.155</b>
(100=110+120+130+150)	100			
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>05</b>	<b>118.893.323.699</b>	<b>47.167.768.625</b>
1. Tiền	111		88.993.323.699	47.167.768.625
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.900.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>07</b>	<b>49.799.621.000</b>	<b>783.701.464</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		50.060.561.260	1.011.262.724
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(260.940.260)	(227.561.260)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>08</b>	<b>53.819.859.831</b>	<b>70.113.861.899</b>
1. Trả trước cho người bán	132		92.564.106	88.000.000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		60.397.992.135	77.365.401.703
3. Các khoản phải thu khác	138		1.102.006.575	433.163.181
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	09	(7.772.702.985)	(7.772.702.985)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.706.364.641</b>	<b>1.942.438.167</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		77.443.405	306.416.931
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		1.612.321.236	1.612.321.236
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	16.600.000	23.700.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>10.684.622.689</b>	<b>9.330.110.330</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.487.893.469</b>	<b>4.696.034.013</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.471.441.856	1.628.904.130
- Nguyên giá	222		4.244.419.133	4.415.154.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.772.977.277)	(2.786.249.929)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.016.451.613	667.129.883
- Nguyên giá	228		4.950.000.000	2.511.154.850
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(933.548.387)	(1.844.024.967)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.400.000.000
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.196.729.220</b>	<b>4.634.076.317</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		891.570.190	1.035.150.691
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	4.033.383.680	3.286.179.276
3. Tài sản dài hạn khác	268		271.775.350	312.746.350
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>234.903.791.860</b>	<b>129.337.880.485</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>91.553.781.670</b>	<b>78.829.010.861</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91.553.781.670</b>	<b>78.829.010.861</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	75.000.000	29.200.000.000
2. Phải trả người bán	312		547.587.626	161.060.539
3. Người mua trả tiền trước	313		45.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	700.027.344	521.307.240
5. Phải trả người lao động	315		466.970.017	220.891.667
6. Chi phí phải trả	316		87.549.711	308.629.764
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	89.144.220.055	47.207.285.745
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		218.396	218.396
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	17	487.208.521	1.209.617.510
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>143.350.010.190</b>	<b>50.508.869.624</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>143.350.010.190</b>	<b>50.508.869.624</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	75.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		636.000.000	636.000.000
3. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(17.285.989.810)	(25.127.130.376)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>400</b>		<b>234.903.791.860</b>	<b>129.337.880.485</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Mã số	31/12/2015	01/01/2015
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>		<b>1.408.348.030.000</b>	<b>371.204.450.000</b>
<b>6.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>	<b>1.187.988.860.000</b>	<b>338.408.970.000</b>
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		458.850.000	-
- Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước		1.187.530.010.000	338.408.970.000
<b>6.2 Chứng khoán cầm cố</b>	<b>017</b>	<b>-</b>	<b>3.398.130.000</b>
- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	3.398.130.000
<b>6.3 Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>022</b>	<b>3.100.350.000</b>	<b>4.065.350.000</b>
- Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	3.100.350.000	4.065.350.000
<b>6.4 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>	<b>81.563.700.000</b>	<b>24.535.800.000</b>
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	81.563.700.000	24.535.800.000
<b>6.5 Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>	<b>135.695.120.000</b>	<b>796.200.000</b>
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	039	135.695.120.000	796.200.000
<b>7. Chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết</b>		<b>20.690.000.000</b>	<b>-</b>
<b>7.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>051</b>	<b>20.690.000.000</b>	<b>-</b>
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	20.690.000.000	-



Ngô Anh Sơn  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Vũ Thị Trà My  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MẪU SỐ B 02- CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>27.974.408.260</b>	<b>21.470.901.741</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		14.722.652.414	12.492.115.298
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		207.250.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.3		946.363.634	27.272.727
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.4		574.664.616	274.388.263
Doanh thu khác	01.5		11.523.477.596	8.677.125.453
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>50.597.832</b>	<b>41.750.346</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>27.923.810.428</b>	<b>21.429.151.395</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	20	13.911.059.520	11.427.661.091
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>14.012.750.908</b>	<b>10.001.490.304</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	5.425.880.586	4.407.005.910
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>8.586.870.322</b>	<b>5.594.484.394</b>
8. Thu nhập khác	31		6.818.482	25.001
9. Chi phí khác	32		752.548.238	3.816.800.000
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>22</b>	<b>(745.729.756)</b>	<b>(3.816.774.999)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.841.140.566</b>	<b>1.777.709.395</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
<b>13. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>7.841.140.566</b>	<b>1.777.709.395</b>
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	549	237



Ngô Anh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Vũ Thị Trà My  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MẪU SỐ B 03- CTCK**  
 Đơn vị: VND  
**Năm 2015**      **Năm 2014**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.841.140.566	1.777.709.395
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.491.807.436	530.568.392
- Các khoản dự phòng	03	33.379.000	(24.698.958)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.299.931.943)	(905.196.615)
- Chi phí lãi vay	06	756.601.932	2.461.702.674
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.822.996.991	3.840.084.888
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	16.831.442.632	(34.965.279.742)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp...)	11	41.847.378.780	37.570.700.515
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	372.554.027	(1.226.750.042)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(821.213.209)	(2.391.353.731)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.879.653.416
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(49.231.522.832)	(1.690.564.916)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>15.821.636.389</b>	<b>5.016.490.388</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.825.176.000)	(4.134.340.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.500.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.846.594.685	726.784.340
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>28.918.685</b>	<b>(3.407.556.360)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	85.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	750.139.755.730	474.396.618.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(779.264.755.730)	(445.196.618.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>55.875.000.000</b>	<b>29.200.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	50	<b>71.725.555.074</b>	<b>30.808.934.028</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>47.167.768.625</b>	<b>16.358.834.597</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	70	<b>118.893.323.699</b>	<b>47.167.768.625</b>



**Ngô Anh Sơn**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

**Vũ Thị Trà My**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thanh Hà**  
**Người lập biểu**



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MÃU SỐ B 05- CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm			Số dư cuối năm		
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay		Năm trước	Năm nay	
					Tăng	Giảm			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-	85.000.000.000	-	75.000.000.000	160.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	18	636.000.000	636.000.000	-	-	-	-	636.000.000	636.000.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	(26.904.839.771)	(25.127.130.376)	1.777.709.395	-	7.841.140.566	-	(25.127.130.376)	(17.285.989.810)

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.



**Ngô Anh Sơn**  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

**Vũ Thị Trà My**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thanh Hà**  
 Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (“Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP ngày 30 tháng 10 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 40 người (tại ngày 31/12/2014 là 24 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung trên máy tính.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

**3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán đối với Công ty Chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Tuy nhiên, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là thời gian Thông tư 210/2014/TT-BTC chưa có hiệu lực. Do đó, Công ty vẫn trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 theo mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền ký quỹ của nhà đầu tư**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi riêng trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư tài chính ngắn hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn**

**Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Tổng Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng vì không thu thập đủ tối thiểu báo giá bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015
	<u>(số năm khấu hao)</u>
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 – 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 08 năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Doanh thu**

- **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**  
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**  
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).
- **Doanh thu hoạt động tư vấn:**  
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.
- **Doanh thu lưu ký chứng khoán:**  
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm LKCK được xác định vào cuối mỗi tháng.
- **Doanh thu khác:**  
Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty còn khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và 31/12/2012 lần lượt là 8.381.321.351 VND và 5.929.002.930 VND; Khoản lỗ có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tại quỹ	5.438.659	2.723.111
Tiền gửi ngân hàng	88.987.885.040	47.165.045.514
<i>Trong đó</i>		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	31.620.792	165.721.714
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	74.004.359.254	44.322.699.897
- Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK	14.951.904.994	2.676.623.903
Các khoản tương đương tiền (i)	29.900.000.000	-
	<b>118.893.323.699</b>	<b>47.167.768.625</b>

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM**

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>a) Của Công ty chứng khoán</b>	<b>11.615.000</b>	<b>124.253.360.000</b>
- Cổ phiếu	11.615.000	124.253.360.000
<b>b) Của nhà đầu tư</b>	<b>582.147.515</b>	<b>8.546.237.948.400</b>
- Cổ phiếu	582.147.515	8.546.237.948.400
	<b>593.762.515</b>	<b>8.670.491.308.400</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09- CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**7.1. Tình hình đầu tư tài chính**

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị trường			Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm				
<b>I. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>2.114.885</b>	<b>99.885</b>	<b>50.060.561.260</b>	<b>1.011.262.724</b>	-	<b>260.940.260</b>	<b>227.561.260</b>	<b>27.799.621.000</b>	<b>783.000.000</b>
<b>Chứng khoán thương mại</b>									
- Cổ phiếu	2.114.885	99.885	28.060.561.260	1.010.561.260	-	260.940.260	227.561.260	27.799.621.000	783.000.000
- Có phiếu niêm yết	5	5	81.260	81.260	-	68.260	61.260	13.000	20.000
- Có phiếu chưa niêm yết (i)	2.114.880	99.880	28.060.480.000	1.010.480.000	-	260.872.000	227.500.000	27.799.608.000	782.980.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	-	-	<b>22.000.000.000</b>	<b>701.464</b>	-	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (ii)	-	-	22.000.000.000	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	701.464	-	-	-	-	-

**Ghi chú:**

(i) Bao gồm cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của Công ty đại chúng, cổ phiếu upcom. Công ty đã trích lập dự phòng cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của công ty đại chúng. Đối với mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hoa Sen Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nghệ An, Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng bao gồm các số tiền gửi tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Hà Thành theo các Hợp đồng tiền gửi số 05/HĐTGBIDV-CKĐN ngày 18/09/2015; Hợp đồng 07/HĐTGBIDV HTH-CKĐN ngày 29/09/2015; Hợp đồng 08/HĐTGBID BID HTH-CKĐN ngày 19/10/2015 và Hợp đồng số 09/HĐTGBIDHT-CK ĐN ngày 30/10/2015 với thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất áp dụng là 6% và 6,3%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09- CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**7.2. Dự phòng giảm giá đầu tư**

Đơn vị: VND

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>5</b>	<b>81.260</b>	<b>(68.260)</b>
PXL	5	81.260	(68.260)
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>2.114.880</b>	<b>28.060.480.000</b>	<b>(260.872.000)</b>
<b>UPCOM</b>	<b>45.880</b>	<b>578.480.000</b>	<b>(260.872.000)</b>
PMT	35.000	350.000.000	(77.000.000)
SHG	10.880	228.480.000	(183.872.000)
<b>OTC</b>	<b>2.069.000</b>	<b>27.482.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Đầu tư và thương mại Hoa Sen Việt Nam	1.150.000	11.500.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nghệ An	750.000	7.500.000.000	-
Công ty CP Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	115.000	8.050.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn Hanaka	54.000	432.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính khác</b>	<b>-</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>-</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		22.000.000.000	-
<b>Cộng đầu tư cổ phiếu</b>	<b>2.114.885</b>	<b>50.060.561.260</b>	<b>(260.940.260)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MÃU SỐ B 09- CTCK**

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Đầu năm			Số phát sinh trong năm			Cuối năm		
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	1	2	3	4	5	6	7	8	
A									9
1. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	77.365.401.703	7.772.702.985	7.772.702.985	2.446.486.163.627	2.463.453.573.195	60.397.992.135	7.772.702.985	7.772.702.985	7.772.702.985
- Phải thu dịch vụ cho vay kỳ quỹ	65.221.599.703	7.772.702.985	7.772.702.985	606.464.684.575	616.295.487.553	55.390.796.725	7.772.702.985	7.772.702.985	7.772.702.985
- Hoạt động ứng trước tiền bán cho nhà đầu tư	12.143.802.000			1.840.021.479.052	1.847.158.085.642	5.007.195.410			
2. Trả trước cho người bán	88.000.000			92.564.106	88.000.000	92.564.106			
3. Phải thu khác	433.163.181			11.176.922.089	10.508.078.695	1.102.006.575			
- Lãi dự thu giao dịch cho vay kỳ quỹ	312.113.121			790.604.261	845.163.089	257.554.293			
- Lãi dự thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	5.839.043			96.317.436	96.968.980	5.187.499			
- Phí giao dịch chứng khoán	115.211.017			602.071.523	530.017.903	72.053.620			
- Phí lưu ký chứng khoán				425.228.791	288.399.363	252.040.445			
- Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng				9.200.866.618	8.747.529.360	453.337.258			
- Phải thu khác				61.833.460		61.833.460			
<b>Tổng cộng</b>	<b>77.886.564.884</b>	<b>7.772.702.985</b>	<b>7.772.702.985</b>	<b>2.457.755.649.822</b>	<b>2.474.049.651.890</b>	<b>61.592.562.816</b>	<b>7.772.702.985</b>	<b>7.772.702.985</b>	<b>7.772.702.985</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	7.772.702.985	7.783.399.943
Số hoàn nhập trong năm	-	(10.696.958)
Số trích lập trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.772.702.985</b>	<b>7.772.702.985</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tạm ứng	6.000.000	23.100.000
Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.600.000	600.000
	<b>16.600.000</b>	<b>23.700.000</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	4.415.154.059	4.415.154.059
Mua sắm mới	275.176.000	275.176.000
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(445.910.926)	(445.910.926)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>4.244.419.133</b>	<b>4.244.419.133</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	2.786.249.929	2.786.249.929
Khấu hao trong kỳ	392.675.375	392.675.375
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(405.948.027)	(405.948.027)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>2.772.977.277</b>	<b>2.772.977.277</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	1.628.904.130	1.628.904.130
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>1.471.441.856</b>	<b>1.471.441.856</b>

Tại ngày 31/12/2015, tổng nguyên giá các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là 2.229.650.018 VND (tại ngày 01/01/2015 là 2.118.866.271 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	Tổng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	2.511.154.850	2.511.154.850
Mua sắm mới	4.950.000.000	4.950.000.000
Giảm do thanh lý	(2.511.154.850)	(2.511.154.850)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>4.950.000.000</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	1.844.024.967	1.844.024.967
Khấu hao trong kỳ	1.099.132.061	1.099.132.061
Giảm do thanh lý	(2.009.608.641)	(2.009.608.641)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>933.548.387</b>	<b>933.548.387</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	667.129.883	667.129.883
Tại ngày 31/12/2015	<b>4.016.451.613</b>	<b>4.016.451.613</b>

Tại ngày 31/12/2015, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng là 0 VND (tại ngày 01/01/2015 là 126.397.750 VND).

**13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.808.222.413	2.283.792.047
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.105.161.267	882.387.229
	<b>4.033.383.680</b>	<b>3.286.179.276</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ông Nguyễn Duy Thanh (i)	75.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	7.200.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	-	2.000.000.000
	<b>75.000.000</b>	<b>29.200.000.000</b>

**Ghi chú (i):** Vay cá nhân theo Hợp đồng vay số 3112HDTDDNSE-NDTHANH ngày 31/12/2015 có thời hạn đến ngày 06/01/2016, lãi suất áp dụng là 6,1%/năm. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Gốc và lãi trả một lần khi đáo hạn.

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	110.116.173	2.848.207
Thuế thu nhập cá nhân	589.911.171	518.459.033
	<b>700.027.344</b>	<b>521.307.240</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	123.168.407	180.167.449
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	64.787.400	27.794.496
Phải trả nhà đầu tư	88.956.264.248	46.999.323.800
	<b>89.144.220.055</b>	<b>47.207.285.745</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thù lao hội đồng quản trị	47.439.130	58.200.000
BHXH, BHYT, BHTN	43.554.550	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	396.214.841	1.151.417.510
	<b>487.208.521</b>	<b>1.209.617.510</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2014	75.000.000.000	636.000.000	(26.904.839.771)	48.731.160.229
Lợi nhuận/ (Lỗ) trong năm	-	-	1.777.709.395	1.777.709.395
Số dư tại 01/01/2015	75.000.000.000	636.000.000	(25.127.130.376)	50.508.869.624
<i>Tăng trong năm</i>	<i>85.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>7.841.140.566</i>	<i>92.841.140.566</i>
Góp vốn trong năm	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000
Lợi nhuận/ (Lỗ) trong năm	-	-	7.841.140.566	7.841.140.566
Số dư tại 31/12/2015	<b>160.000.000.000</b>	<b>636.000.000</b>	<b>(17.285.989.810)</b>	<b>143.350.010.190</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Vốn đã góp tại 31/12/2015		Vốn đã góp tại 01/01/2015	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	15.400.000.000	9,63%	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn FIT	15.050.000.000	9,41%	-	-
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	14.400.000.000	9,00%	-	-
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	14.400.000.000	9,00%	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Bích	9.050.000.000	5,66%	6.750.000.000	9,00%
Ông Nguyễn Văn Sang	9.050.000.000	5,66%	6.750.000.000	9,00%
Bà Phạm Thị Tú Anh	9.000.000.000	5,63%	-	-
Bà Trần Thị Minh Phương	8.500.000.000	5,31%	-	-
Bà Bùi Khánh Linh	8.000.000.000	5,00%	-	-
Bà Phạm Thị Thương	7.500.000.000	4,69%	-	-
Bà Phạm Thị Thanh Nga	7.000.000.000	4,38%	-	-
Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh	7.000.000.000	4,38%	-	-
Công ty CP Công nghệ Thái Sơn	6.000.000.000	3,75%	-	-
Ông Trịnh Quốc Vân	4.268.700.000	2,67%	5.265.000.000	7,02%
Ông Trương Anh Tuấn	3.700.000.000	2,31%	-	-
Bà Cù Thị Phương Nga	3.700.000.000	2,31%	-	-
Ông Ninh Việt Tiến	2.728.000.000	1,71%	4.805.000.000	6,41%
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	2.695.000.000	1,68%	2.695.000.000	3,59%
Các cổ đông khác	12.558.300.000	7,85%	48.735.000.000	64,98%
<b>Tổng cộng</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	16.000.000	7.500.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	16.000.000	7.500.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	16.000.000	7.500.000	cổ phiếu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. DOANH THU**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	14.722.652.414	12.492.115.298
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	207.250.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	946.363.634	27.272.727
Doanh thu lưu ký chứng khoán	574.664.616	274.388.263
Doanh thu khác	11.523.477.596	8.677.125.453
<i>Doanh thu lãi tiền gửi</i>	2.204.273.353	905.196.615
<i>Doanh thu hoạt động cho vay ký quỹ</i>	3.319.839.885	-
<i>Doanh thu hoạt động ứng trước chứng khoán</i>	2.282.737.312	1.466.941.562
<i>Doanh thu khác</i>	3.716.627.046	6.304.987.276
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>27.974.408.260</b>	<b>21.470.901.741</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	50.597.832	41.750.346
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>27.923.810.428</b>	<b>21.429.151.395</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	6.907.268.513	4.805.502.853
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	2.938.463	-
Chi phí hoạt động tư vấn	384.080.000	-
Chi phí dự phòng	33.379.000	87.504.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	562.537.347	250.733.559
Chi phí nhân viên trực tiếp	2.369.949.087	1.279.230.541
Chi phí vật tư đồ dùng	722.904.763	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.418.418.515	440.622.933
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	391.322.082	752.438.041
Chi phí lãi vay	756.601.932	2.290.807.958
Chi phí khác	361.659.818	1.520.821.206
	<b>13.911.059.520</b>	<b>11.427.661.091</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	2.322.568.034	2.349.018.892
Chi phí vật liệu	25.921.500	33.002.050
Chi phí công cụ dụng cụ	214.262.469	59.127.568
Chi phí khấu hao TSCĐ	73.388.921	89.945.459
Thuế, phí lệ phí	140.106.891	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.384.040.491	1.740.276.347
Chi phí bằng tiền khác	265.592.280	132.635.594
	<b>5.425.880.586</b>	<b>4.407.005.910</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	6.818.181	-
Thu nhập khác	301	25.001
	<b>6.818.482</b>	<b>25.001</b>
Gía trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	541.509.108	
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	201.039.130	209.200.000
Chi phí khác	10.000.000	3.607.600.000
	<b>752.548.238</b>	<b>3.816.800.000</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(745.729.756)</b>	<b>(3.816.774.999)</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	7.841.140.566	1.777.709.395
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(7.841.140.566)	(1.777.709.395)
Lỗ mang sang	(8.052.179.696)	(1.894.109.395)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	211.039.130	116.400.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	-	-
Thuế suất thông thường	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	-	-

Trong năm, ngoài khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định không còn khoản chi phí nào nữa cần phải loại trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

**24. KẾ HOẠCH VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỠ**

Công ty có một số khoản lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của các năm trước và sẽ được trừ toàn bộ và liên tục vào thu nhập chịu thuế của 5 năm tiếp theo. Số lỗ này dự kiến sẽ được chuyển lỗ theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển
Năm 2010	2011 - 2015	5.745.052.025	5.745.052.025	-
Năm 2011	2012 - 2016	15.522.346.846	7.141.025.495	8.381.321.351
Năm 2012	2013 - 2017	5.929.002.930	-	5.929.002.930

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận cơ bản để tính lãi trên cổ phiếu	7.841.140.566	1.777.709.395
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.276.712	7.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>549</b>	<b>237</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 1.103.619.825 VND.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm tới	1.080.941.400	1.080.941.400
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.080.941.400	2.161.882.800
	<u><b>2.161.882.800</b></u>	<u><b>3.242.824.200</b></u>

Đây là số tiền thuê mặt bằng tại tầng 12A, Tòa nhà Center Building Dự án Hapulico Complex tại số 01, Nguyễn Huy Tường, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo hợp đồng thuê mặt bằng số 52/2014/HĐKT-HAPULICO ngày 15/10/2014.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm:*

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	921.177.278	925.460.167
Thù lao Hội đồng quản trị	201.039.130	174.000.000
	<u><b>1.122.216.408</b></u>	<u><b>1.099.460.167</b></u>

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	75.000.000	29.200.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	118.893.323.699	47.167.768.625
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	143.350.010.190	50.508.869.624
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị số kế toán			
	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.893.323.699	-	47.167.768.625	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.102.006.575	-	433.163.181	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng	60.397.992.135	(7.772.702.985)	77.365.401.703	(7.772.702.985)
Đầu tư ngắn hạn	50.060.561.260	(260.940.260)	1.011.262.724	(227.561.260)
Các khoản ký quỹ	282.375.350	-	313.346.350	-
	<b>230.736.259.019</b>	<b>(8.033.643.245)</b>	<b>126.290.942.583</b>	<b>(8.000.264.245)</b>

**Công nợ tài chính**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	75.000.000	29.200.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.034.796.147	1.370.678.049
Chi phí phải trả	87.549.711	308.629.764
Phải trả giao dịch chứng khoán	89.144.220.055	47.207.285.745
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.341.565.913</b>	<b>78.086.593.558</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.893.323.699	-	118.893.323.699
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.102.006.575	-	1.102.006.575
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	52.625.289.150	-	52.625.289.150
Các khoản cho vay	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	49.799.621.000	-	49.799.621.000
Các khoản ký quỹ	10.600.000	271.775.350	282.375.350
	<b>222.430.840.424</b>	<b>271.775.350</b>	<b>222.702.615.774</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Vay và nợ	75.000.000	-	75.000.000
Chi phí phải trả	87.549.711	-	87.549.711
Phải trả người bán	547.587.626	-	547.587.626
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	487.208.521	-	487.208.521
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	89.144.220.055	-	89.144.220.055
	<b>90.341.565.913</b>	<b>-</b>	<b>90.341.565.913</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>132.089.274.511</b>	<b>271.775.350</b>	<b>132.361.049.861</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.167.768.625	-	47.167.768.625
Phải thu khách hàng, phải thu khác	433.163.181	-	433.163.181
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	69.592.698.718	-	69.592.698.718
Các khoản cho vay	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	783.701.464	-	783.701.464
Các khoản ký quỹ	600.000	312.746.350	313.346.350
	<b>117.977.931.988</b>	<b>312.746.350</b>	<b>118.290.678.338</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Vay và nợ	29.200.000.000	-	29.200.000.000
Phải trả người bán	161.060.539	-	161.060.539
Chi phí phải trả	308.629.764	-	308.629.764
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.209.617.510	-	1.209.617.510
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	47.207.285.745	-	47.207.285.745
	<b>78.086.593.558</b>	<b>-</b>	<b>78.086.593.558</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>39.891.338.430</b>	<b>312.746.350</b>	<b>40.204.084.780</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.


Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu tại ngày 31/12/2015. Cụ thể:


Chỉ tiêu	Số kiểm toán	Số trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú	Đơn vị: VND
1. Phải thu khách hàng	77.365.401.703	-	77.365.401.703	[1]	
2. Phải thu giao dịch chứng khoán	-	77.365.401.703	(77.365.401.703)	[1]	

Ghi chú: [1] Phân loại lại phải thu giao dịch cho vay ký quỹ và phải thu hoạt động ứng trước tiền bán cho nhà đầu tư từ phải thu khách hàng sang phải thu giao dịch chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc trình bày lại này phù hợp hơn với hoạt động kinh doanh của Công ty.



  
Ngô Anh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

  
Vũ Thị Trà My  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Hà  
Người lập biểu

